

BÁO CÁO
Tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2025, như sau:

Phần thứ nhất
TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
TỈNH CÀ MAU NĂM 2025

I. Mục đích ý nghĩa

Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) tỉnh Cà Mau năm 2025 được lập theo quy định của Luật Kế toán, Nghị định số 140/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

BCTCNN là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau tại thời điểm kết thúc năm tài chính, kết quả hoạt động tài chính nhà nước trong năm và các thông tin tài chính có liên quan. Việc lập và công khai BCTCNN góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý tài chính nhà nước theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán công.

So với Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, BCTCNN cung cấp thông tin toàn diện hơn về tình hình tài chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau, bao gồm tài sản công, nợ phải trả, nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh thu, chi phí và

các nguồn lực tài chính khác của nhà nước. Thông tin từ BCTCNN là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá thực trạng tài chính công, hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực nhà nước; phục vụ công tác quản lý, điều hành ngân sách, quản lý tài sản công, quản lý nợ và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau. Thông qua BCTCNN, các cơ quan quản lý có thêm cơ sở để đánh giá khả năng tài chính của địa phương, nhận diện các rủi ro tài chính tiềm ẩn, từ đó đề ra các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực công, bảo đảm an toàn tài chính và phát triển bền vững.

II. Căn cứ pháp lý

BCTCNN tỉnh Cà Mau năm 2025 được lập trên cơ sở các quy định pháp luật sau:

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp;

Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

III. Phạm vi BCTCNN tỉnh Cà Mau

Theo quy định, số liệu BCTCNN tỉnh Cà Mau được tổng hợp từ báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau, bao gồm: Các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán cơ sở độc lập thuộc cấp tỉnh và cấp xã; Sở Tài chính; cơ quan Thuế; Kho bạc Nhà nước khu vực XX và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Báo cáo phản ánh tổng thể tình hình tài chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau, bao gồm tài sản, nợ phải trả, tài sản thuần, doanh thu, chi phí và các thông tin tài chính khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tỉnh Cà Mau quản lý.

Số liệu trên BCTCNN tỉnh Cà Mau được tổng hợp từ 1.101 Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị, bao gồm: 1.097 đơn vị kế toán độc lập, đơn vị kế toán cấp trên cao nhất thuộc cấp tỉnh, cấp xã (*trong đó 44 đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh*); số liệu thu của Chi cục thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh Cà Mau, Sở Tài chính cung cấp số liệu vay nợ của tỉnh Cà Mau, số liệu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tỉnh Cà Mau quản lý và một số số liệu thu, chi ngân sách khác chưa có trong các báo cáo nêu trên được tổng hợp từ hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS).

IV. Quy trình lập, gửi BCTCNN tỉnh Cà Mau

1. Tiếp nhận báo cáo cung cấp thông tin tài chính

KBNN khu vực XX tiếp nhận báo cáo cung cấp thông tin tài chính (CCTTTC) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi lập BCTCNN tỉnh Cà Mau theo quy định, bao gồm:

- Đơn vị kế toán độc lập:
 - + Trường hợp đơn vị áp dụng Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Báo cáo tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC;
 - + Trường hợp đơn vị áp dụng Chế độ kế toán khác (*không phải Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp*): Báo cáo tài chính được lập theo Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị;
- Đơn vị kế toán cấp trên cao nhất:
 - + Trường hợp đơn vị thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 108/2025/TT-BTC: Báo cáo tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 108/2025/TT-BTC và Báo cáo thông tin theo Mẫu số C08/CCTT- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC;
 - + Trường hợp đơn vị lập BCTC hợp nhất theo quy định khác (*không theo quy định tại Thông tư số 108/2025/TT-BTC*): BCTC hợp nhất được lập theo chế độ áp dụng tại đơn vị;
- Sở Tài chính tỉnh Cà Mau: Cung cấp thông tin về vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp do địa phương quản lý và thông tin về nợ chính quyền địa phương theo Mẫu số C07/CCTT ban hành kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC.
- Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Thuế Tỉnh Cà Mau: Cung cấp thông tin về tiền, phải thu, phải trả, số thu thuế và các khoản thu nội địa khác giao cơ quan thuế quản lý theo hướng dẫn tại Chế độ kế toán nghiệp vụ thuế nội địa
- KBNN khu vực XX: Cung cấp thông tin về tiền và các khoản tương đương tiền, thu, chi ngân sách địa phương và các thông tin tài chính khác của Nhà nước (*bao gồm ngân sách cấp tỉnh, cấp xã*) chưa được phản ánh trên báo cáo CCTTTC của các đơn vị cấp tỉnh, cấp xã.

2. Kiểm tra báo cáo cung cấp thông tin tài chính

Sau khi tiếp nhận báo cáo cung cấp thông tin tài chính, KBNN khu vực XX thực hiện rà soát, kiểm tra nhằm bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ và nhất quán của thông tin trước khi tổng hợp BCTCNN tỉnh Cà Mau. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- + Kiểm tra đối tượng gửi báo cáo, bảo đảm đúng phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin tài chính theo quy định.
- + Kiểm tra thẩm quyền phê duyệt báo cáo theo quy định hiện hành.
- + Kiểm tra tính đầy đủ của các biểu mẫu báo cáo phải gửi.
- + Kiểm tra tính cân đối của số liệu, bảo đảm tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn đối với báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Kiểm tra tính nhất quán của số liệu giữa các biểu mẫu báo cáo; các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên các báo cáo khác nhau phải bảo đảm thống nhất.

+ Kiểm tra số liệu so sánh giữa các kỳ báo cáo; trường hợp có chênh lệch hoặc thay đổi về phương pháp trình bày, đơn vị phải có thuyết minh, giải trình theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp thông tin tài chính chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của số liệu cung cấp cho KBNN để phục vụ công tác tổng hợp BCTCNN.

3. Lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau

Trên cơ sở thông tin tài chính do các cơ quan, đơn vị cung cấp và kết quả kiểm tra, đối chiếu số liệu, KBNN khu vực XX thực hiện tổng hợp, lập BCTCNN tỉnh Cà Mau theo biểu mẫu và phương pháp quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính.

Sau khi hoàn thành dự thảo BCTCNN tỉnh Cà Mau, KBNN khu vực XX lấy ý kiến của Sở Tài chính đối với nội dung báo cáo; trên cơ sở đó hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau cho ý kiến trước khi tiếp thu, hoàn chỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau theo quy định.

V. Một số nguyên tắc cơ bản lập BCTCNN tỉnh Cà Mau

1. Về cách thức, phương pháp kế toán để tổng hợp BCTCNN tỉnh Cà Mau:

Theo quy định, việc lập các BCTCNN tỉnh Cà Mau dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (*kế toán tiền mặt*) và số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu - chi phí được ghi nhận tại thời điểm phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (*kế toán dồn tích*).

2. Về các nội dung phản ánh trên BCTCNN tỉnh Cà Mau

BCTCNN tỉnh Cà Mau phản ánh tình hình tài sản, nợ phải trả và tài sản thuần của nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau tại thời điểm kết thúc năm tài chính; kết quả hoạt động tài chính nhà nước thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và thặng dư hoặc thâm hụt trong kỳ; đồng thời cung cấp thông tin về các luồng tiền phát sinh từ hoạt động tài chính nhà nước trong năm báo cáo.

So với Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, BCTCNN cung cấp phạm vi thông tin rộng hơn, không chỉ phản ánh tình hình thu, chi ngân sách mà còn phản ánh đầy đủ hơn các nguồn lực tài chính nhà nước, bao gồm tài sản công, nợ phải trả, vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ tài chính khác của nhà nước.

Thông qua đó, BCTCNN tỉnh Cà Mau cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về tình hình tài chính nhà nước trên địa bàn, góp phần nâng cao tính minh bạch, phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, đồng thời đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Về các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập BCTCNN tỉnh Cà Mau

Theo quy định, khi lập BCTCNN tỉnh Cà Mau, các giao dịch phát sinh giữa các đơn vị thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo phải được xác định và loại trừ nhằm tránh ghi nhận trùng doanh thu, chi phí, tài sản, nợ phải trả và các chỉ tiêu tài chính khác. Các giao dịch nội bộ chủ yếu được thực hiện loại trừ bao gồm:

- Các khoản bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.
- Các khoản chi ngân sách, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản... từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc đối tượng mà BCTC/BCTC hợp nhất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức đó được tổng hợp vào BCTCNN tỉnh Cà Mau

VI. Danh mục BCTCNN tỉnh Cà Mau

Theo quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP, BCTCNN tỉnh Cà Mau gồm 04 thành phần:

- (1) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau;
- (2) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau;
- (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhà nước tỉnh Cà Mau;
- (4) Thuyết minh BCTCNN tỉnh Cà Mau.

Đối với năm tài chính 2025, BCTCNN tỉnh Cà Mau trình bày đầy đủ Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước và Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước. Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không được lập và trình bày theo mẫu quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP mà thực hiện tham chiếu đến Báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

Do năm 2025 là năm đầu tiên lập Báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP, một số nội dung trên Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2025 được trình bày theo hướng dẫn của KBNN tại Công văn số 3256/KBNN-KTNN ngày 22/5/2026, cụ thể như sau: Đối với BCTCNN 23 tỉnh, thành phố thực hiện sáp nhập theo Nghị quyết số 60/NQ-TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước: Chỉ trình bày số liệu năm 2025 (*không trình bày số liệu năm 2024*).

VII. Về việc phối hợp thực hiện BCTCNN Tỉnh Cà Mau

KBNN Khu vực XX đã có Văn bản số 553/KBXX-KTNN ngày 16/6/2026 đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến về BCTCNN tỉnh Cà Mau năm 2025; Sở Tài chính tỉnh Cà Mau đã có Công văn số 6401/STC-NS ngày 17/6/2026 tham gia ý kiến về dự thảo Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2025.

Phần thứ hai
NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
TỈNH CÀ MAU NĂM 2025

BCTCNN tỉnh Cà Mau năm 2025 có một số thay đổi chủ yếu như sau:

- Áp dụng hệ thống biểu mẫu và phương pháp trình bày BCTCNN theo quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước.
- Thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp theo các quy định mới tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 và Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính.
- Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lần đầu thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính, làm thay đổi phạm vi và nguồn thông tin phục vụ lập BCTCNN.
- Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp (*gồm cấp tỉnh và cấp xã*) thay cho mô hình ba cấp trước đây dẫn đến thay đổi về cơ cấu đơn vị báo cáo, phạm vi tổng hợp và đối tượng cung cấp thông tin tài chính nhà nước.

I. Về tình hình tài sản, nguồn vốn của tỉnh Cà Mau - Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (THTCNN - Phụ lục I)

Báo cáo THTCNN tỉnh Cà Mau cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau tại thời điểm 31/12/2025.

1. Về tài sản của tỉnh Cà Mau

1.1. Về tổng giá trị tài sản:

Giá trị tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh Cà Mau tại ngày 31/12/2025 là: 103.237 tỷ đồng. Trong đó bao gồm:

1.1.1. Tài sản ngắn hạn: Phản ánh tổng giá trị tài sản tại thời điểm kết thúc năm báo cáo của các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản khác của nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau có thời hạn sử dụng/thu hồi còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tài sản ngắn hạn (*Mã số 100*) là 19.862 tỷ đồng (*chiếm 19,21% giá trị tổng tài sản*), bao gồm các khoản mục sau:

Tài sản ngắn hạn của tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	14.515	73,08
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	0,04

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.546	22,89
Hàng tồn kho	140	748	3,76
Cho vay ngắn hạn	150	0	0,00
Tài sản ngắn hạn khác	160	45	0,23
Tổng cộng		19.862	100

- Tiền và các khoản tương đương tiền (MS 110)¹ là 14.515 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 73,08% của tài sản ngắn hạn và 14,04% tổng tài sản nhà nước của tỉnh Cà Mau. Trong đó:

Đơn vị: Tỷ đồng

Đơn vị	Năm 2025
Tồn quỹ ngân sách địa phương	12.196
<i>Trong đó, Quỹ dự trữ tài chính</i>	57
Đơn vị kế toán độc lập, đơn vị kế toán cấp trên cao nhất	2.319
Tổng	14.515

+ Số dư tiền và các khoản tương đương tiền lớn tại một số đơn vị kế toán gồm: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau là 419,09 tỷ đồng, Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Bạc Liêu là 245,82 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Bạc Liêu là 377,29 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau là 127,99 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Bạc Liêu là 162,76 tỷ đồng, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế là 397,47 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường là 185,92 tỷ đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo là 43,89 tỷ đồng, UBND xã Đầm Dơi là 118,35 tỷ đồng, UBND xã Tạ An Khương là 118,42 tỷ đồng, Sở Xây dựng là 39,26 tỷ đồng, VP Tỉnh ủy Cà Mau 19,47 tỷ đồng, VP UBND tỉnh Cà Mau 11,61 tỷ đồng...

- Đầu tư tài chính ngắn hạn² (MS 120) là 8 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,04% của tài sản ngắn hạn; trong đó chủ yếu là tiền gửi trích lập từ các quỹ tại NHTM theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế (1,28 tỷ đồng), Sở Xây dựng (6,12 tỷ đồng).

- Các khoản phải thu ngắn hạn (MS130)³ là 4.546 tỷ đồng, chiếm 22,89% tài sản ngắn hạn và 4,40% tổng tài sản nhà nước tỉnh Cà Mau; trong đó chủ yếu là:

¹ Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị tiền và các khoản tương đương tiền hiện có của Nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau tại thời điểm kết thúc năm báo cáo.

² Phản ánh tổng giá trị của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (đã bao gồm dự phòng tổn thất đầu tư tài chính ngắn hạn, không bao gồm khoản đầu tư được phân loại là tương đương tiền).

³ Phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu của nhà nước trên phạm vi tỉnh có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, bao gồm: phải thu các khoản lãi cho vay; phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước; phải thu thuế, phí, lệ phí; phải thu khách hàng ngắn hạn; trả trước cho người bán ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác (đã bao gồm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi).

+ Các khoản phải thu về thuế và các khoản thu nội địa khác của cấp tỉnh, cấp xã là 2.277 tỷ đồng (chiếm 50,09% tổng các khoản phải thu ngắn hạn).

+ Các khoản phải thu NSNN của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã là 2.269 tỷ đồng (chiếm 49,91% tổng các khoản phải thu ngắn hạn) trong đó chủ yếu là các khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho nhà thầu đến kỳ báo cáo chưa đến thời hạn hoàn ứng tại các BQLDA như: Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh là 287,03 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Bạc Liêu là 282,97 tỷ đồng, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là 93,88 tỷ đồng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau là 10,59 tỷ đồng tiền thu BHYT năm 2025 theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế là 212,48 tỷ đồng...

- Hàng tồn kho⁴ (MS 140) là 748 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khá nhỏ là 3,76% tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho này chủ yếu là thuốc, vật tư, công cụ, dụng cụ, hóa chất, sinh phẩm, dịch truyền... phục vụ cho công tác khám chữa bệnh cho người bệnh, thuốc tồn kho tại nhà thuốc, tại các Bệnh viện, Trung tâm Y Tế trực thuộc Sở Y tế: 557,3 tỷ đồng; thuốc phòng chống dịch bệnh của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là 17,98 tỷ đồng,...

- Tài sản ngắn hạn khác⁵ (MS 160): là 45 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,23% của tài sản ngắn hạn. Trong đó chủ yếu là các chi phí trả trước ngắn hạn của các đơn vị như Sở Y tế: 1,75 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường: 6,71 tỷ đồng, Sở Dân tộc và Tôn giáo 4,48 tỷ đồng...

1.1.2. Tài sản dài hạn: phản ánh giá trị hoặc giá trị còn lại của các loại tài sản của nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau có thời hạn thu hồi, sử dụng còn lại trên 12 tháng tại thời điểm kết thúc năm báo cáo. Giá trị tài sản dài hạn (MS 180) là 83.375 tỷ đồng (chiếm 80,79% giá trị tổng tài sản), bao gồm các khoản mục sau:

Tài sản dài hạn của Tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	965	1,16
- <i>Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính</i>	191	965	1,16
- <i>Vốn góp</i>	192	0	0,00
- <i>Đầu tư tài chính dài hạn khác</i>	193	0	0,00
Các khoản phải thu dài hạn	200	165	0,20
Cho vay dài hạn	210	0	0,00

⁴ Phản ánh toàn bộ giá trị hiện có của các loại hàng tồn kho của nhà nước trên phạm vi tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo (đã bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

⁵ Phản ánh tổng giá trị của các tài sản ngắn hạn khác của nhà nước trên phạm vi tỉnh (không được phân loại là một trong các tài sản ngắn hạn kể trên), có thời hạn thu hồi hoặc sử dụng còn lại từ 12 tháng trở xuống tại thời điểm kết thúc năm báo cáo.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Tài sản kết cấu hạ tầng	220	10.579	12,69
Tài sản cố định tại đơn vị	230	41.241	49,47
- Tài sản cố định hữu hình	231	5.630	6,75
- Tài sản cố định vô hình	232	35.611	42,71
Mua sắm, xây dựng cơ bản dở dang	240	29.722	35,65
Tài sản dài hạn khác	250	702	0,84
Tổng cộng		83.375	100

- Đầu tư tài chính dài hạn (MS 190) là 965 tỷ đồng, chiếm 1,16% tài sản dài hạn, trong đó:

+ Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính (MS 191) là 965 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,16% của tài sản dài hạn.

Theo báo cáo của Sở Tài chính tại Mẫu số C07/CCT về việc cung cấp thông tin lập BCTCNN năm 2025, tình hình về vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác do địa phương quản lý như sau:

* Tại thời điểm 31/12/2025, tỉnh Cà Mau có 04 doanh nghiệp do địa phương nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu (400 tỷ đồng);
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau (464 tỷ đồng);
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền (42 tỷ đồng);
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ (59 tỷ đồng).

- Các khoản phải thu dài hạn (MS 200) là 165 tỷ đồng, chiếm 0,20% của tài sản dài hạn. Đây là các khoản tạm ứng cho người bán đối với hàng hóa, dịch vụ, tài sản chưa nhận được có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng của một số đơn vị như Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau là 142,12 tỷ đồng, Sở Y tế là 22,63 tỷ đồng

- Tài sản kết cấu hạ tầng (MS 220): Bao gồm số liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung, hạ tầng khác do Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm tỉnh Bạc Liêu và UBND các xã, phường được giao quản lý là 10.579 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,69% của tài sản dài hạn và 10,25% tổng tài sản.

- Chỉ tiêu Tài sản cố định tại đơn vị (MS 230) là 41.241 tỷ đồng, chiếm 49,47% tài sản dài hạn và 39,95% tổng tài sản, trong đó:

+ Tài sản cố định hữu hình (MS 231): bao gồm tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, hạ tầng giao thông, cây lâu

năm, tài sản cố định hữu hình khác,...là 5.630 tỷ đồng, chiếm 6,75% tài sản dài hạn và 5,45% tổng tài sản.

+ Tài sản cố định vô hình (MS 232): Theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC quy định tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã đầu tư chi phí tạo lập tài sản hoặc được hình thành qua quá trình hoạt động; gồm: Quyền sử dụng đất; Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; Quyền sở hữu công nghiệp, Quyền đối với giống cây trồng, Phần mềm ứng dụng; Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng giá trị tài sản vô hình là 35.611 tỷ đồng (*trong đó: Giá trị Quyền sử dụng đất là 34.599 tỷ đồng*), chiếm 42,71% tài sản dài hạn và 34,49% tổng tài sản.

Chỉ tiêu Mua sắm, xây dựng cơ bản dở dang⁶ (MS 240) là 29.722 tỷ đồng, chiếm 35,65% tài sản dài hạn và 28,79% tổng tài sản. Số liệu phát sinh chủ yếu là tổng giá trị các chi phí XDCB dở dang của dự án, công trình giao cho đơn vị quản lý đang thực hiện và đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán còn dư tại ngày lập báo cáo tài chính, phát sinh lớn tại một số các BQLDA như Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh là 4.215,64 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau là 7.060,26 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Bạc Liêu là 6.508,27 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Bạc Liêu là 5.984,87 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Cà Mau 4.726,60 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường 663,50 tỷ đồng...

- Chỉ tiêu Tài sản dài hạn khác (MS 250): 702 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,84% tài sản dài hạn và 0,68% tổng tài sản chủ yếu là chi phí trả trước và khoản khác của đơn vị có thời hạn thu hồi trên 12 tháng, phát sinh lớn tại các đơn vị như Quỹ Đầu tư phát triển 680,20 tỷ đồng, Quỹ Bảo vệ môi trường 21,80 tỷ đồng.

2. Về Nguồn vốn

Tương ứng với giá trị tài sản, BCTHTCNN tỉnh Cà Mau phản ánh nguồn vốn của nhà nước (*gồm Nợ phải trả và Tài sản thuần của nhà nước*).

2.1. Về nợ phải trả (MS 280): Giá trị nợ phải trả của tỉnh Cà Mau tại thời điểm 31/12/2025 là 9.112 tỷ đồng, chiếm 8,83% tổng nguồn vốn.

Nợ phải trả của tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Nợ phải trả ngắn hạn	290	8.214	90,15
Nợ vay ngắn hạn	291	38	0,42
- Nợ chính quyền địa phương	294		
- Nợ vay của đơn vị	295	38	0,42

⁶ Phản ánh tổng giá trị các chi phí liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản và nâng cấp TSCĐ dở dang chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng tại các đơn vị trong khu vực nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	297	8.176	89,73
Nợ phải trả dài hạn	300	897	9,85
Nợ vay dài hạn	301	293	3,22
- Nợ chính quyền địa phương	304	293	3,22
- Nợ vay của đơn vị	305		
Các khoản phải trả dài hạn khác	307	604	6,63
Tổng cộng		9.112	100

2.1.1. Về nợ phải trả ngắn hạn

Nợ phải trả ngắn hạn (MS 290) là 8.214 tỷ đồng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu Nợ phải trả (chiếm 90,15% giá trị Nợ phải trả), Trong đó:

- Nợ vay ngắn hạn (MS 291) là 38 tỷ đồng, chiếm 0,46% nợ phải trả ngắn hạn, trong đó nợ vay của đơn vị là 38 tỷ đồng. Đây là giá trị của khoản vay mà đơn vị đã nhận và có nghĩa vụ trả lại căn cứ trên hợp đồng hoặc thỏa thuận vay của đơn vị tại ngày lập báo cáo tài chính, có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính, phát sinh lớn ở các đơn vị như Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau là 35,46 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường 1,81 tỷ đồng, Trung tâm dịch vụ đô thị Bạc Liêu là 0,6 tỷ đồng.

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác (MS 297) là 8.176 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 99,53% nợ phải trả ngắn hạn và chiếm 89,73% cơ cấu Nợ phải trả, bao gồm: Các khoản phải trả người bán ngắn hạn, các khoản nhận trước của khách hàng ngắn hạn, các khoản nhận trước kinh phí được cấp, các quỹ phải trả, dự phòng phải trả ngắn hạn của các đơn vị kế toán độc lập, đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, phát sinh lớn ở các đơn vị như Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Cà Mau là 4.620,43 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Bạc Liêu là 1.253,33 tỷ đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo là 1.000,21 tỷ đồng, Sở Y tế là 593,78 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường là 443,28 tỷ đồng...

2.1.2. Về nợ phải trả dài hạn

Nợ phải trả dài hạn (MS 300) là 897 tỷ đồng, chiếm 9,85% tổng nợ phải trả. Trong đó:

- Nợ chính quyền địa phương (MS 304) là 293 tỷ đồng, chiếm 32,68% nợ phải trả dài hạn và 3,22% tổng nợ phải trả. Theo báo cáo tình hình vay và trả nợ của tỉnh Cà Mau, đây là số vay nợ của các dự án:

+ Dự nợ vốn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam (vay thực hiện dự án Năng lượng điện nông thôn) là 7,9 tỷ đồng;

+ Dự nợ vốn vay nước ngoài: Tiểu dự án 8 “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng

vùng ven biển tỉnh Cà Mau”, thuộc dự án “*Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL*” là 124,64 tỷ đồng;

+ Dự nợ vốn vay nước ngoài: Dự án Dự án Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và Kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp là 22,35 tỷ đồng;

+ Dự nợ vốn vay nước ngoài: Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Bạc Liêu là 64,85 tỷ đồng;

+ Dự nợ vốn vay nước ngoài: Tiêu dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Hòa Bình, Đông Hải và thành phố Bạc Liêu là 47,22 tỷ đồng;

+ Dự nợ vốn vay nước ngoài: Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến cơ sở tỉnh Bạc Liêu là 26,33 tỷ đồng.

- Các khoản phải trả dài hạn khác (MS 307) là 604 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 67,32% nợ phải trả dài hạn và 6,63% nợ phải trả. Đây là các khoản phải trả người bán dài hạn, các khoản nhận trước của khách hàng dài hạn, dự phòng phải trả dài hạn và các khoản nợ phải trả dài hạn khác tại một số các đơn vị như Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau là 467,91 tỷ đồng, Sở Y tế là 83,43 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường là 18,96 tỷ đồng...

2.1.3. Đánh giá chung

Tổng công nợ của tỉnh Cà Mau là 9.112 tỷ đồng⁷ so với tổng tài sản của tỉnh Cà Mau là 103.237 tỷ đồng, tương đương 8,83%. Đây là tỷ lệ rất nhỏ, cho thấy tỉnh Cà Mau có khả năng tự chủ tài chính cao và có thể đáp ứng được các nghĩa vụ nợ vào thời điểm hiện tại.

2.2. Về tài sản thuần

Tài sản thuần của Nhà nước trên phạm vi tỉnh Cà Mau tại ngày 31/12/2025 là 94.126 tỷ đồng, chiếm 91,17% tổng nguồn vốn.

Tài sản thuần của tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Thặng dư/Thâm hụt lũy kế	320	92.477	98,25
Các quỹ	330	554	0,59
Tài sản thuần khác	340	1.095	1,16
Tổng cộng		94.126	100

- Thặng dư lũy kế (MS 320) đạt 92.477 tỷ đồng (*chiếm 98,25% tài sản thuần*). Số liệu chỉ tiêu này được xác định bằng chênh lệch giữa tổng chỉ tiêu “*Tổng tài sản*”

⁷ Trong đó dự nợ của chính quyền địa phương là 293 tỷ đồng chiếm khoảng 2,59% tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với mức dự nợ vay được quy định tại Điều 7, Luật NSNN 2025

và tổng các chỉ tiêu “*Nợ phải trả*”, “*Các quỹ*”, “*Tài sản thuần khác*” trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau.

- Các quỹ (MS 330) đạt 554 tỷ đồng (*chiếm 0,59% tài sản thuần*). Số liệu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu “*Các quỹ*” trên Báo cáo tổng hợp thông tin tình hình tài chính xã, “*Quỹ dự trữ tài chính*” trên BCCCTTTC của KBNN khu vực XX và “*Quỹ thuộc đơn vị*” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất/Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh.

- Tài sản thuần khác (MS 340) là 1.095 tỷ đồng, chiếm 1,16% tài sản thuần. Chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu “*Tài sản thuần khác*” trên BCTHTTTC xã, “*Vốn góp*” trên BCTHTC hợp nhất/BCTHTC của các đơn vị kế toán thuộc cấp tỉnh, “*Kinh phí cải cách tiền lương*”, “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên Báo cáo về những thay đổi trong tài sản thuần hợp nhất/tài sản thuần của các đơn vị kế toán thuộc cấp tỉnh.

II. Về kết quả hoạt động tài chính nhà nước 2025 (Phụ lục II đính kèm)

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước (BCKQHĐTCNN) năm 2025 phản ánh tình hình doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính của khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025.

1. Tổng Doanh thu của Tỉnh Cà Mau

Năm 2025 tổng doanh thu (MS 400) của tỉnh Cà Mau là 34.946 tỷ đồng, trong đó:

Doanh thu của tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuế	401	8.326	23,82
Doanh thu từ phí, lệ phí	402	515	1,47
Doanh thu từ dầu thô và khí thiên nhiên	403	0	0,00
Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước	404	1.490	4,26
Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại	405	1	0,004
Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	406	2.676	7,66
Doanh thu khác	407	21.938	62,78
Tổng cộng		34.946	100

+ Doanh thu từ thuế (MS401) là 8.326 tỷ đồng, chiếm 23,82% tổng doanh thu. Đây là số thu thuế thuộc tỉnh Cà Mau được xác định trên cơ sở số liệu số thu thuế nội địa phát sinh trong năm trên BCCCTTTC của Thuế tỉnh Cà Mau, Chi cục thuế doanh nghiệp lớn và bộ tỷ lệ điều tiết theo quy định.

+ Doanh thu từ phí, lệ phí (MS402) là 515 tỷ đồng, chiếm 1,47% tổng doanh thu. Bao gồm các khoản thu từ phí, lệ phí thuộc tỉnh Cà Mau và doanh thu từ phí được khấu trừ để lại của các đơn vị kế toán thuộc cấp tỉnh và cấp xã.

+ Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước (MS 404) là 1.490 tỷ đồng, chiếm 4,26% tổng doanh thu. Đây là số cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ thuộc tỉnh Cà Mau được xác định trên cơ sở số liệu trên BCCCTTTC của các cơ quan thuế và bộ tỷ lệ điều tiết theo quy định.

+ Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại (MS 405) là 1 tỷ đồng, chiếm 0,004% tổng doanh thu, trong đó, trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc nhận khoản viện trợ không hoàn lại do Tổ chức Save the Children International (SCI) quốc tịch Anh tài trợ.

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (MS 406) là 2.676 tỷ đồng, chiếm 7,66% tổng doanh thu, trong đó số thu của các đơn vị thuộc Sở Y tế là 2.056,22 tỷ đồng bao gồm thu BHYT, thu không BHYT, thu dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu; số thu của các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 95,16 tỷ đồng bao gồm thu từ nguồn thu học phí năm 2025 theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026; số thu của các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là 236,14 tỷ đồng, Trường Đại học Bạc Liêu là 45,98 tỷ đồng, Sở Xây dựng là 76,65 tỷ đồng...

+ Doanh thu khác (MS 407) là 21.938 tỷ đồng, chiếm 62,78% tổng doanh thu bao gồm số thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; thu tiền phạt, thu tịch thu, các khoản thu khác...trên BCCCTTTC của cơ quan thuế; Thu khác của NSNN trên BCCCTTTC của KBNN khu vực XX; Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp, doanh thu tài chính, doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ, Thu nhập khác, doanh thu từ nguồn vốn vay nợ nước ngoài trên BCCCTTTC của các đơn vị kế toán thuộc cấp tỉnh, cấp xã.

2. Tổng chi phí của tỉnh Cà Mau

Năm 2025 tổng chi phí (MS 410) của tỉnh Cà Mau là 10.666 tỷ đồng, trong đó:

Chi phí của tỉnh Cà Mau năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	
		Tiền	%
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho con người	411	5.339	50,05
Chi phí vật tư và dịch vụ đã sử dụng	412	669	6,27
Chi phí khấu hao/hao mòn	413	850	7,97
Chi phí tài chính	414	14	0,13
Chi phí khác	415	3.795	35,58
Tổng cộng		10.666	100

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người (MS 411) đạt 5.339 tỷ đồng, chiếm 50,05% tổng chi phí. Đây là các khoản chi trong chi phí hoạt động không giao tự chủ, chi phí hoạt động giao tự chủ, giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Chi phí vật tư và dịch vụ đã sử dụng (MS412) là 669 tỷ đồng chiếm 6,27% tổng chi phí.

- Chi phí khấu hao/hao mòn (MS413) là 850 tỷ đồng, chiếm 7,97% tổng chi phí bao gồm Chi phí hao mòn/khấu hao tài sản cố định, hao mòn trong năm của tài sản kết cấu hạ tầng đơn vị được giao quản lý của các đơn vị kế toán.

- Chi phí tài chính (MS 414) là 14 tỷ đồng, chiếm 0,13% tổng chi phí bao gồm lãi, phí, chi phí đi vay của các khoản nợ của Chính quyền địa phương; chi phí tài chính của các đơn vị kế toán thuộc cấp tỉnh, cấp xã.

- Chi phí khác (MS415) là 3.795 tỷ đồng, chiếm 35,58% tổng chi phí bao gồm chi phí bán hàng, chi phí tài sản bàn giao, chi phí khác của hoạt động không giao tự chủ và hoạt động giao tự chủ, chi phí khác tính vào giá vốn hàng bán.

3. Về thặng dư tài chính của tỉnh Cà Mau

Thặng dư tài chính của tỉnh Cà Mau năm 2025 là 24.280 tỷ đồng. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh Cà Mau trong những năm tiếp theo.

III. Về Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm)

Theo quy định, Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau gồm hai phần: phần thuyết minh bằng lời và phần số liệu chi tiết. Trong đó, phần thuyết minh bằng lời cung cấp các thông tin nhằm làm rõ bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương, các căn cứ pháp lý, nguyên tắc, phương pháp kế toán và phương pháp tổng hợp số liệu được áp dụng khi lập Báo cáo tài chính nhà nước. Đồng thời, phần thuyết minh này giải thích, phân tích và làm rõ các thông tin, số liệu trọng yếu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước và Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước mà các biểu báo cáo chưa phản ánh đầy đủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*gửi kèm theo các Phụ lục có liên quan*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, DT (BC15), M.A185/6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi